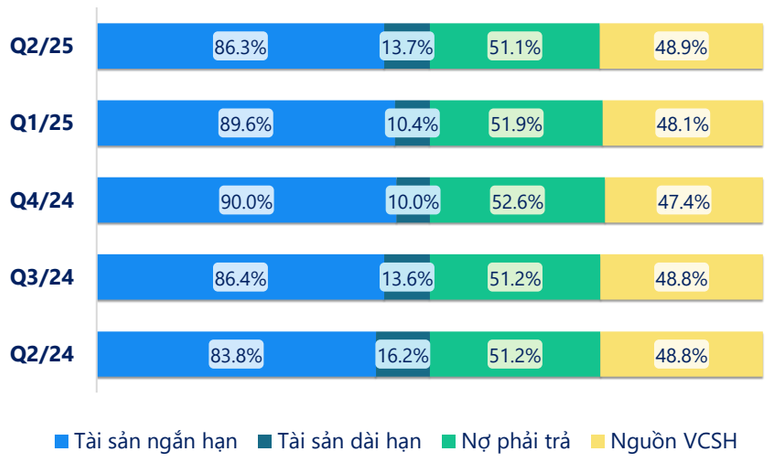
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	18,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,685
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,935
SL cổ phiếu LH	907,235,083
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,506,365
% sở hữu nước ngoài	9.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16,376
P/E	30.6
EPS	591

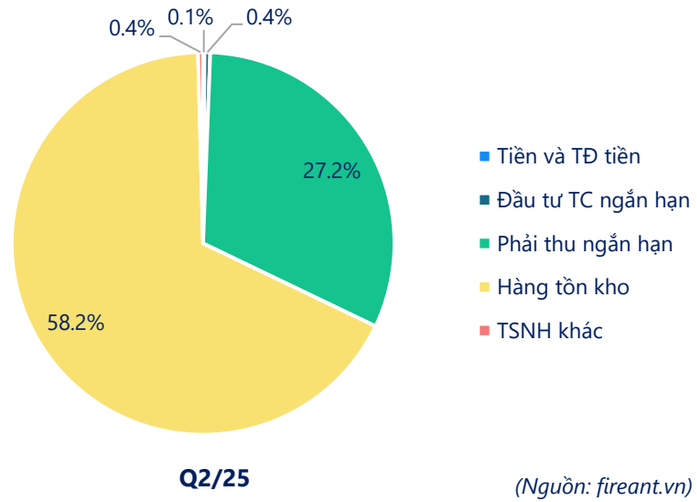
	YTD	1T	3T	6T
PDR	-5.8%	6.2%	0.7%	-4.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



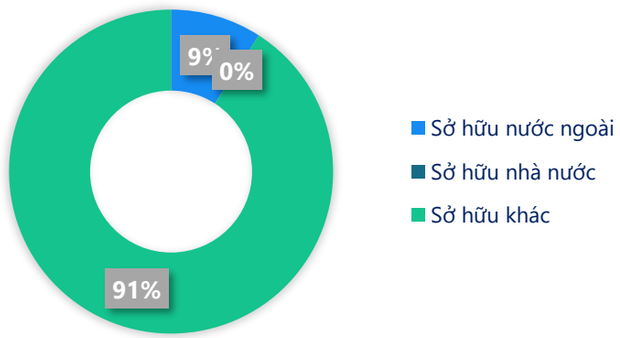
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



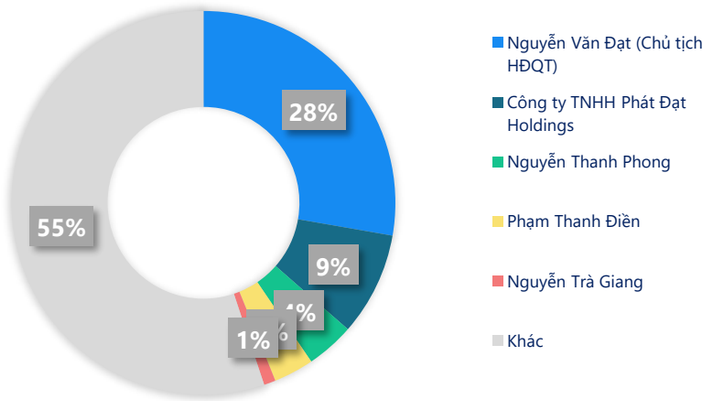
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



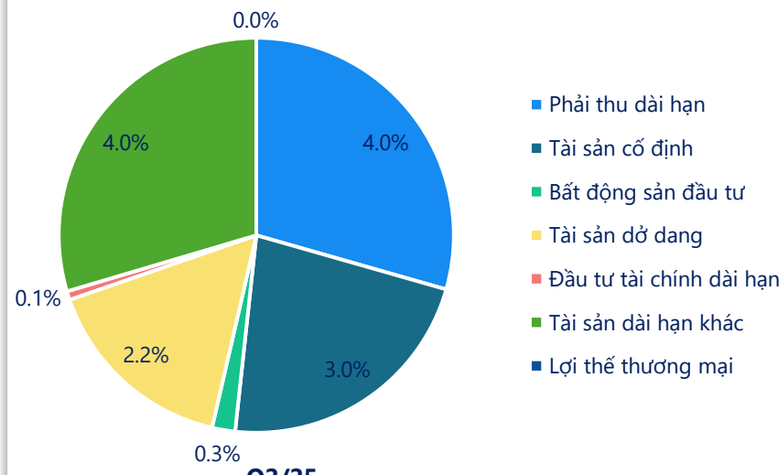
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

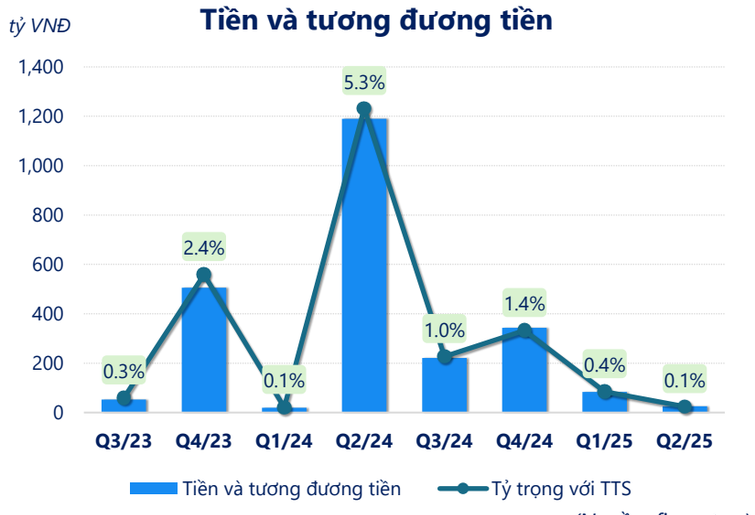


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

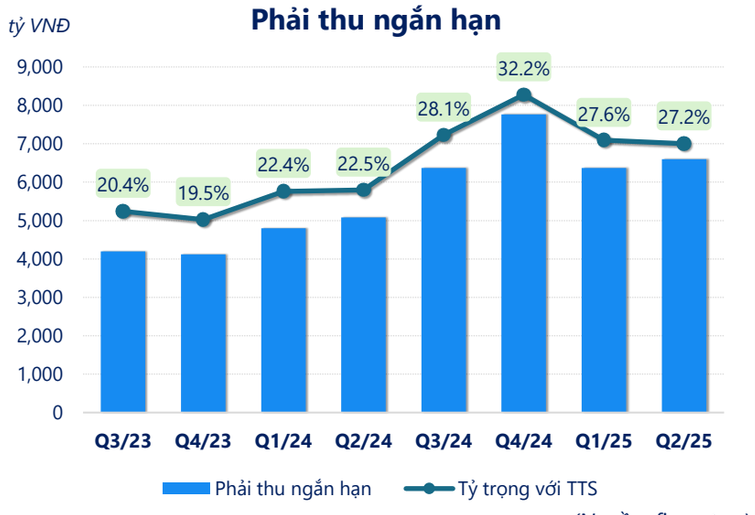
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



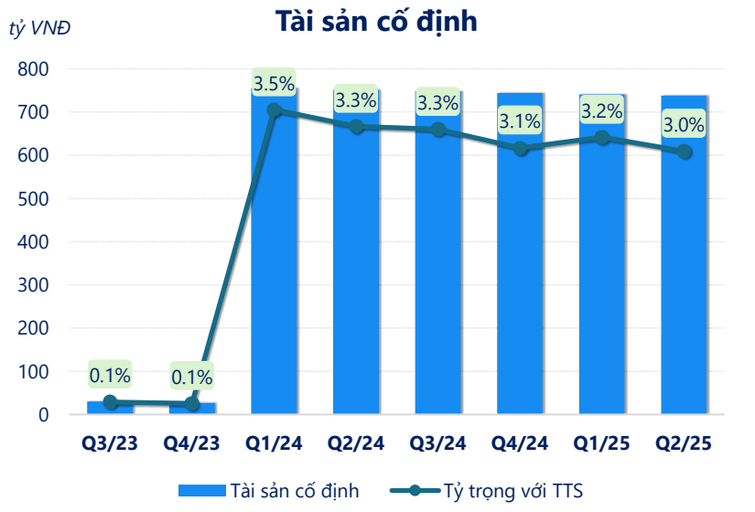
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



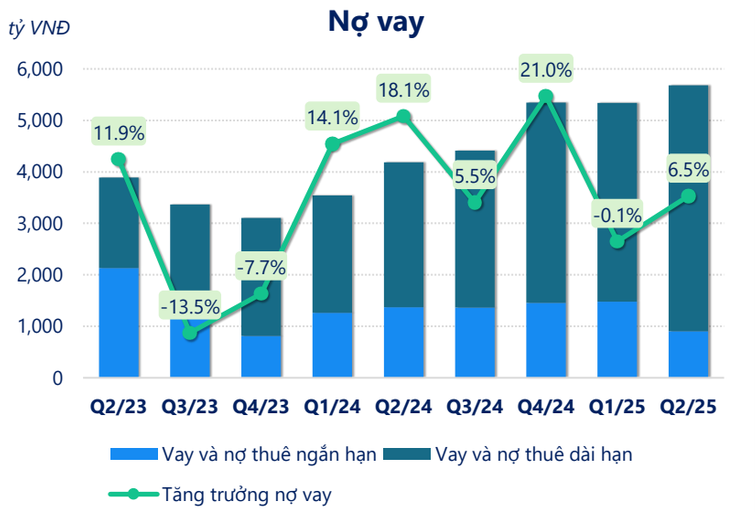
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



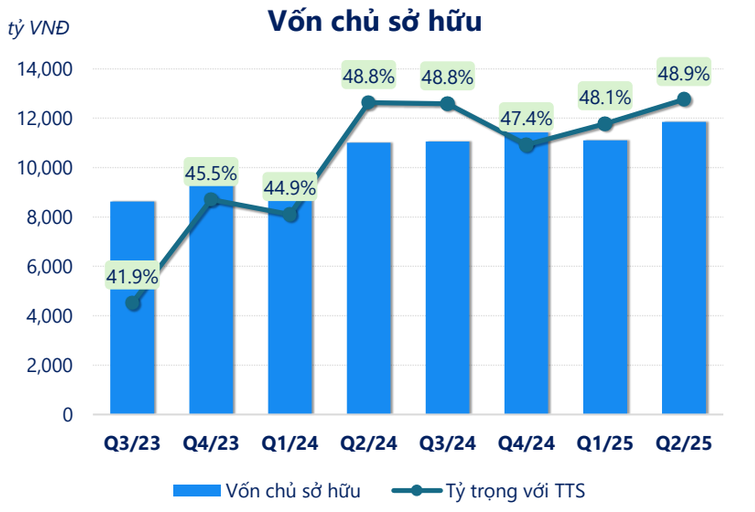
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

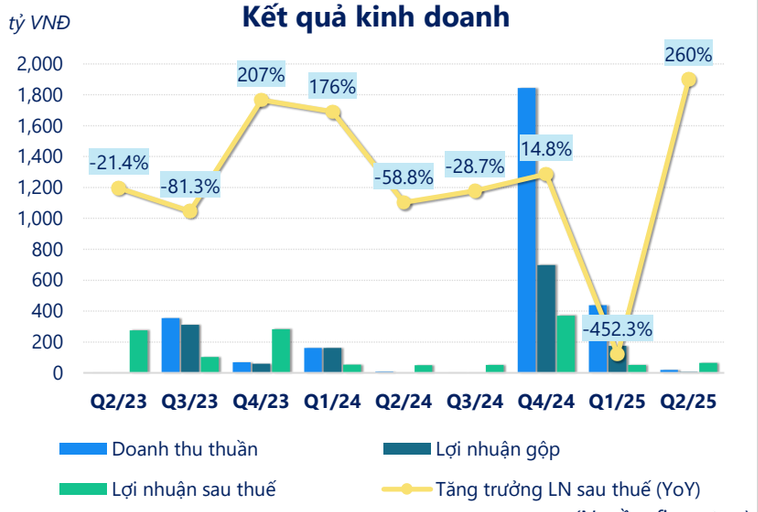


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

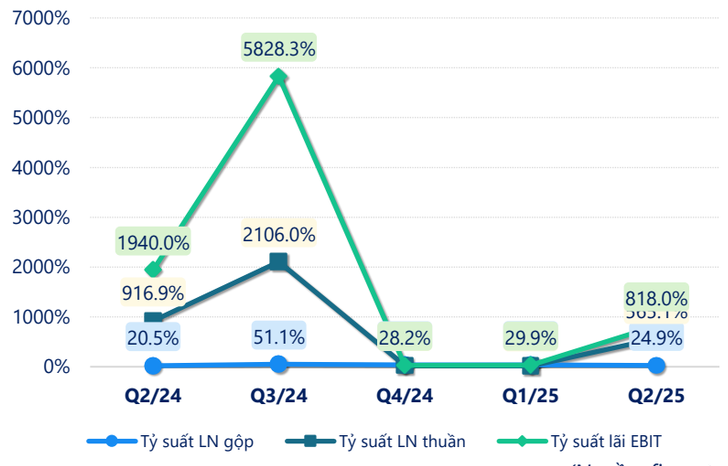
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Kết quả kinh doanh



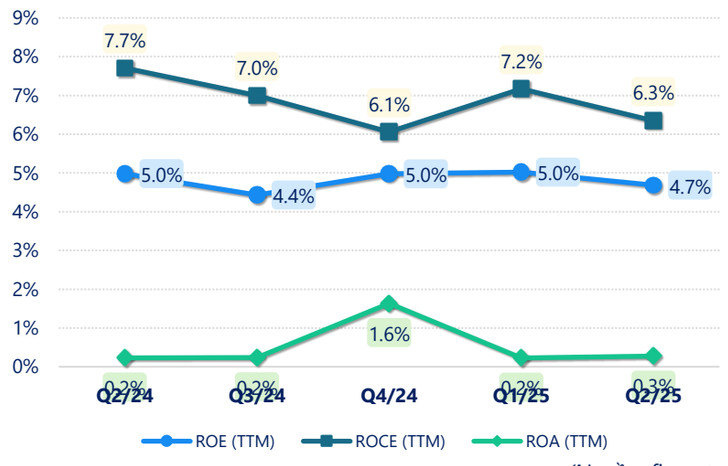
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



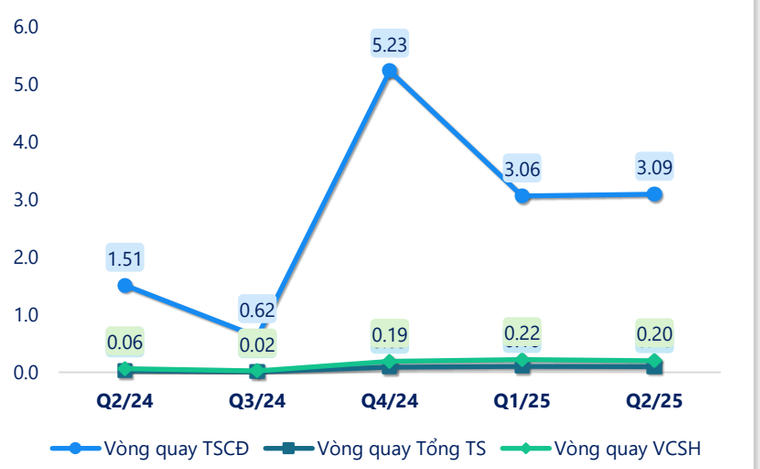
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



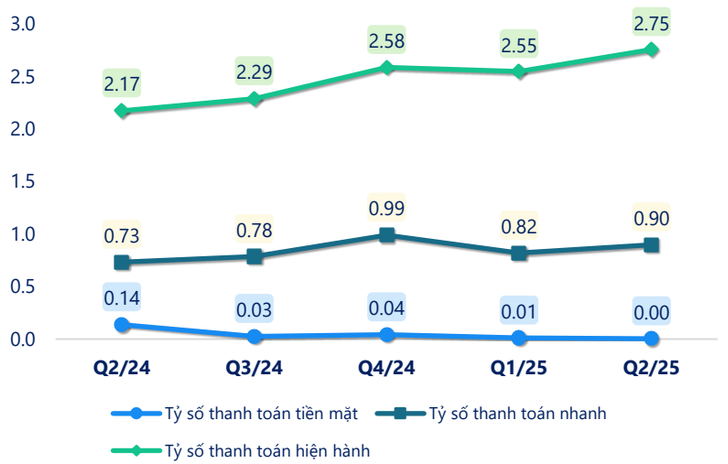
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



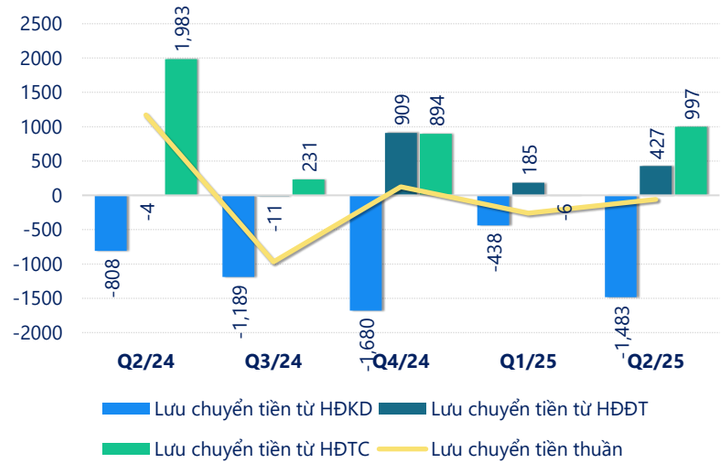
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**24,226**	**23,986**	**1.0%**
Tài sản ngắn hạn	20,913	21,483	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	25.2	344	-92.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100	115	-13.3%
Phải thu ngắn hạn	6,594	6,861	-3.9%
Hàng tồn kho	14,106	14,078	0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	88.4	85.2	3.7%
Tài sản dài hạn	**3,313**	**2,503**	**32.4%**
Phải thu dài hạn	975	38.7	2417%
Tài sản cố định	738	744	-0.8%
Bất động sản đầu tư	62.5	63.2	-1.2%
Tài sản dở dang	533	533	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	23.6	38.0	-37.8%
Tài sản dài hạn khác	**980**	**1,085**	**-9.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12,371	12,927	-4.3%
Nợ ngắn hạn	**7,593**	**8,562**	**-11.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	904	1,383	-34.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	143	348	-58.8%
Nợ dài hạn	4,778	4,365	9.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,778	3,961	20.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,856**	**11,059**	**7.2%**
Vốn chủ sở hữu	**11,856**	**11,059**	**7.2%**
Vốn điều lệ	9,072	8,731	3.9%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	8.26	2.63	1,844	438	19.9
Giá vốn hàng bán	6.56	1.28	1,147	263	15.0
Lợi nhuận gộp	1.69	1.34	697	175	4.95
Doanh thu HĐTC	203	194	3.73	1.88	226
Chi phí TC	73.0	74.5	107	67.0	63.9
Chi phí lãi vay	73.0	74.4	72.0	66.8	62.0
LN trong công ty LKLD	-9.15	-17.2	-15.8	-0.02	-13.0
Chi phí bán hàng	2.74	4.33	59.3	6.59	1.28
Chi phí QLDN	43.7	44.0	64.1	38.7	40.1
LN thuần từ HĐKD	75.7	55.3	455	64.6	113
Lợi nhuận khác	11.5	23.4	-7.06	-0.38	-11.6
LN trước thuế	87.2	78.7	448	64.2	101
Lợi nhuận sau thuế	49.8	51.2	369	50.6	64.9
LNST của CĐ cty mẹ	49.7	51.2	369	50.6	64.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-808	-1,189	-1,680	-438	-1,483
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.55	-11.0	909	185	427
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,983	231	894	-6.37	997
Tiền đầu kỳ	19.3	1,190	221	344	84.0
Lưu chuyển tiền thuần	**1,171**	**-969**	**123**	**-260**	**-58.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,190	221	344	84.0	25.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic